

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày: 22/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương.
2. Ông Trần Quyết Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Dư Văn Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2023, tại Phòng xử án Hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2023/TLST-HS ngày 08/9/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 08/9/2023 đối với các bị cáo:

1. **Sùng Mí L**, sinh ngày 04/02/1981 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi ĐKHKTT: thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Sùng Tả P (đã chết) và bà Vừ Thị C, sinh năm 1942; sống như vợ chồng với bà Vừ Thị S, sinh năm 1992 (hiện nay đã trốn sang Trung Quốc); bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt;

2. **Đào Hải T**, sinh ngày 22/12/1970 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Số nhà 08, tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Đào Quốc T, sinh năm 1949 và bà Ngô Thị Chiêm H, sinh năm 1950; có vợ Vũ Thị L, sinh năm 1970; có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. **Thò Mí M**, sinh ngày 01/6/1983 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Thò Mí V, sinh năm 1966 và bà Lầu Thị N, sinh năm 1977; sống như vợ chồng với bà Sùng Thị M, sinh năm 1983; có 04 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án số 07/2023/HS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/11/2022, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến – Bộ Công an; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí L và Thò Mí M: Ông Hoàng Ngọc Chung – Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người làm chứng: Các anh, chị: Lò Văn D, Lò Văn H, Nguyễn Chúc L, Lã Thị T, Lê Thị Mộng L, Đồng Thị H, Lương Văn T, Lương Văn C, Hoàng Văn D, Đinh Thị V, Hoàng Văn N, Lò Văn T, Vương Thị H, Ngô Duy S Thò Mí S, Vũ Thị L; vắng mặt.

Người phiên dịch: Bà Hậu Thị Hà; địa chỉ: Thôn Lúp, xã Phương Độ, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng đầu tháng 11/2020, do được người quen giới thiệu và qua mạng xã hội, 12 công dân gồm: Lê Thị Mộng L - sinh năm 1997, trú tại phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Chúc L - sinh năm 1987, trú tại xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau; Lã Thị T - sinh năm 1974, trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Đồng Thị H - sinh năm 1996, trú tại xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Lương Văn C - sinh năm 1996 (là chồng của H); Lương Văn T - sinh năm 1991, là anh rể của H; Lò Văn D - sinh năm 1992, trú tại thôn P, xã P thị xã N, tỉnh Yên Bái; Lò Văn H - sinh năm 2000 (là em của vợ D); Lò Văn T - sinh năm 1995, trú tại Bản L, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Đinh Thị V - sinh năm 1995 (là vợ của T); Hoàng Văn D - sinh năm 1995, là anh họ của T; Hoàng Văn N - sinh năm 1981 (là chú ruột của T) biết tài khoản Wechat có nickname “nhà xe Tuấn A” (chưa xác định rõ thông tin chủ tài khoản) chuyên nhận đưa người Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê nên những người trên đã liên hệ qua ứng dụng Wechat với chủ tài khoản “Nhà xe Tuấn A” để hỏi việc đi Trung Quốc, thì được “Nhà xe Tuấn A” nhận lời tổ chức cho những người này vượt biên trái phép sang Trung Quốc qua đường mòn của tỉnh Hà Giang với tiền công từ 3.000 NDT đến 3.300 nhân

dân tộc/01 người. Sau khi 12 người trên đồng ý, Tuấn A đã hướng dẫn họ tự đi lên thành phố H rồi bố trí người đón ở H rồi đưa đi qua biên giới sang Trung Quốc.

Đến khoảng giữa tháng 11/2020, Tuấn A gọi điện thoại vào số 0364863512 của Đào Hải T sinh năm 1970, trú tại tổ 14, phường N, thành phố H (lái xe Taxi) để thuê T đón người từ thành phố H rồi chở lên huyện M để giao cho người khác đưa sang Trung Quốc và hỏi T giá tiền xe chở người là bao nhiêu. T báo giá xe ô tô 4 chỗ là 1.500.000^d (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), xe 7 chỗ là 1.800.000^d (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*), Tuấn A đồng ý và bảo khi nào khách lên đến Hà Giang thì khách gọi điện cho T ra đón người.

Đến ngày 15 tháng 11 năm 2020, T nhận được điện thoại của Lê Thị Mộng L nói là khách của nhà xe Tuấn A, đã lên đến bến xe Hà Giang rồi, bảo T ra đón. T điều khiển xe ô tô Inova BKS 29A – 097.37 xuống bến xe khách Hà Giang đón L đưa về nhà của T tại tổ 14 phường N, thành phố H. Cùng ngày thì Nguyễn Chúc L cũng lên đến Hà Giang, thì gọi cho T ra đón, T đi xe ô tô ra bến xe đón L đưa về nhà T cho ở cùng với L.

Ngày 16/11/2020, T nhận được điện thoại nói là khách của nhà xe Tuấn A bảo T đi đón. T tiếp tục lái xe ô tô đi xuống bến xe và đón được 05 người gồm Đồng Thị H, Lương Văn C, Lương Văn T, Lò Văn D, Lò Văn H đưa về nhà T.

Đến chiều ngày 16/11/2020, T nhận được điện thoại của Lò Văn T cũng giới thiệu là khách của nhà xe Tuấn A và hỏi địa chỉ nhà T, thì được T hướng dẫn đường đến nhà T cho T, được khoảng 15 phút sau có 01 xe taxi (*không xác định*) đưa 04 người gồm Lò Văn T, Đinh Thị V, Hoàng Văn D, Hoàng Văn N đến nhà T, T cho 04 người này ở cùng với nhóm 5 người trước đó. Khoảng 2 giờ sau, T tiếp tục nhận được điện thoại của Lã Thị T bảo đón ở bến xe thành phố H, T đi xe ô tô đến bến xe đón T đưa về nhà T ở cùng những người trước đó. Quá trình 12 người này ở tại nhà T thì được vợ T là Vũ Thị L, sinh năm 1970 mua cơm cho mọi người ăn đến ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Sáng ngày 18 tháng 11 năm 2020, Tuấn A gọi điện thoại cho T báo thu hộ tiền của 12 người, mỗi người 11.800.000 đồng và dặn mọi người là đường đi sang Trung Quốc trơn trượt, phải đi bộ nên chỉ mang theo ít đồ cá nhân để dễ di chuyển. Sau đó T thu tiền của 09 người, mỗi người 11.800.000^d (*mười một triệu tám trăm nghìn đồng*); L chuyển khoản qua Wechat cho Tuấn A 3000NDT (*Ba nghìn nhân dân tệ*), còn L và T thỏa thuận với Tuấn A khi nào sang đến Trung Quốc mới đưa tiền.

Khoảng 19 giờ ngày 17 tháng 11 năm 2020, Tuấn A bảo T chở L và L đi trước, T sử dụng xe ô tô Inova BKS 29A – 097.37 đưa L và L đi lên huyện M là khoảng 24 giờ cùng ngày, Tuấn A bảo T ở đó chờ khi nào có người đón sẽ liên hệ sau. T cùng L và L nằm ở trong xe ô tô chờ đến khoảng 02 giờ sáng thì Tuấn A gọi điện bảo T lái xe đến nhà nghỉ chỗ ngã ba TT. M và thả L và L xuống, sau khi cho L và L xuống, T lái xe quay về thành phố H.

Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 18/11/2020, Tuấn A gọi điện thoại cho T bảo đầu giờ chiều chở nốt 10 người lên huyện M và hỏi T đã thu hộ tiền của những người đi Trung Quốc chưa, T nói đã thu được 9 người. Tuấn A bảo T giữ lại 5.100.000^d (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*) tiền xe, còn lại chuyển vào số tài khoản của Tuấn A (*Tuyên không nhớ số tài khoản*).

Do xe của T không chở hết được 10 người nên T đã gọi cho Ngô Duy S, sinh năm 1993, trú tại tổ 15, phường N, thành phố H, (lái xe của hãng taxi Hà Giang), thuê S chở 04 khách lên M với giá 1.500.000^d (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), S đồng ý. Khoảng 13 giờ, T hẹn S đến nhà đón khách, sau đó T sử dụng xe ô tô Inova BKS 29A – 097.37 chở 06 người đi trước, còn S sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10 chở 04 người đi sau.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T đi đến thị trấn Y, huyện Y thì dừng xe cho khách xuống nghỉ rồi đi vào trụ sở Viettel chi nhánh huyện Y chuyển số tiền 101.100.000đ (thu được của 09 người) cho Tuấn A, chuyển tiền xong, T tiếp tục điều khiển xe ô tô đi theo hướng thị trấn Đ, rồi đi sang khu vực đồi thông thuộc xã P, huyện M, đoạn có đường rẽ xuống sông Nho Quế thì dừng xe lại cho mọi người xuống (vì trước đó Tuấn A đã dặn T rồi), S cũng điều khiển xe ô tô đến khu vực chỗ T rồi dừng xe cho 04 người xuống. Khi 10 người xuống xe, T bảo với 10 người là cứ đi bộ xuống phía dưới sẽ có người đón, rồi T và S đi về thành phố H, T đưa cho S 1.500.000^d (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền công chở khách.

Cũng vào ngày 16 tháng 11 năm 2020, Tuấn Anh gọi điện cho Sùng Mí L, sinh năm 1981, trú tại: Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang, thuê L đón 12 người rồi đưa đi qua biên giới sang Trung Quốc với giá 200NDT (*Hai trăm nhân dân tệ*)/1 người, Lía đồng ý.

Đến ngày 17/11/2020, Tuấn A gọi điện bảo với L có T ở thành phố H chở L và L lên M để giao cho L đón đưa đi sang Trung Quốc. Tuấn A gửi số điện thoại của L cho L để tự liên lạc đón người. Do bận không đi đón được nên L gọi cho chị Vương Thị H, sinh năm 1978, giáo viên Trường mầm non xã X, huyện M, (*người yêu của L*) để nhờ H đón L và L, H đồng ý, L gửi số của L cho H để liên lạc và đón người.

Sau đó H gọi cho L để đón, Khi L lên tới thị trấn huyện M là khoảng 24 giờ cùng ngày thì gọi điện cho H đón (*nhưng do đêm muộn nên H không đón được*) H bảo L đi đến nhà nghỉ T để nghỉ rồi cho xe đón sau. Sau đó H nhờ anh Giàng Minh V, sinh năm 1987, trú tại thị trấn M, huyện M, là chủ nhà xe Q đón L và L từ thị trấn M đưa đến đầu cầu Tràng Hương thuộc địa phận xã X, huyện M, đồng thời gửi số điện thoại của V cho L để chủ động liên lạc. Đến khoảng hơn 05 giờ sáng V đón L và L ở nhà nghỉ T đưa đến đầu cầu Tràng Hương thuộc địa phận xã X, thì cho L và L vào trong chốt kiểm soát dịch bệnh Covid 19 của Đồn biên phòng X để chờ H đón. H điều khiển xe máy đi ra chốt kiểm soát dịch bệnh Covid 19 của Đồn biên phòng X đón L và L về phòng ở tập thể của điểm trường mầm non xã X, huyện M.

Đến Khoảng 09 giờ ngày 18/11/2020, H gọi cho L nói đã đón được L và L về phòng rồi và bảo L ra đón. Gọi cho L xong H đi lên lớp để dạy học. Đến khoảng hơn 10 giờ, L điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe Future, biển kiểm soát 23P1-112.42 từ nhà L tại thôn M, xã T, huyện M đến phòng của H và ăn cơm trưa ở đó. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày L chở L đi trước, đi một đoạn L gọi cho Thò Mí S, sinh năm 1996, trú tại thôn K, xã X, huyện M, thuê Sính chở L từ phòng ở của H đến biên giới thuộc địa phận thôn M, xã T với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), S đồng ý. L chở L lên khu đồi thuộc thôn M, xã T để L trốn ở đó. Sau đó S chở L tới giao cho L, L nhận người và đưa cho S 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) rồi dẫn L đi bộ đến chỗ L đang trốn rồi L đi về.

Đến khoảng 16 giờ ngày 18/11/2020, Tuấn A gọi điện cho L nói còn 10 người muốn sang Trung Quốc làm thuê đang từ Hà Giang lên và đón ở khu vực đồi thông thuộc xã P, huyện M. Lía hỏi tiền công như thế nào thì, Tuấn báo là 200NDT/01 người, L hỏi “*thế tiền công có trả luôn không*”, Tuấn A trả lời “*Khi nào đưa người sang bên Trung Quốc thì người lái xe bên Trung Quốc trả tiền*”, và bảo với L là Chưa bố trí được xe đón L và L bên Trung Quốc nên chờ nhóm 10 người này rồi dẫn đi cùng luôn L đồng ý. Sau đó L lên chỗ L và L đưa họ về nhà mình nghỉ.

L gọi điện cho Thò Mí M, sinh năm 1983, trú tại thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang hỏi có đón 10 người đưa sang Trung Quốc không, M đồng ý, L bảo sang nhà để bàn bạc về việc đón người. Đến tối ngày 18/11/2020, M sang nhà L, L hỏi M có quen ai để dẫn người qua sông Nho Quế không. M nói quen một người đàn ông ở gần bờ sông tên Vừ Mí C (*chưa xác định rõ nhân thân lai lịch*) có thể dẫn được người qua sông, L bảo M gọi điện thuê C với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) dẫn 10 người từ đồi thông xã P, huyện M xuống đưa qua sông Nho Quế đến thôn T, xã T, huyện M. M gọi điện thoại cho C để thuê C như lời L dặn và C đồng ý. M bảo L là C yêu cầu phải đưa tiền trước khi giao người, do không có sẵn tiền nên L bảo M cứ ứng ra trước, sau này nhận được tiền công sẽ trả sau, M đồng ý và đi về nhà, còn L đi ngủ.

Đến Khoảng 02 giờ sáng ngày hôm sau, C gọi điện cho M bảo đã đón được 10 người nhưng có một người phụ nữ (Lã Thị T) bị đau chân không đi được đang chờ ở gần bờ sông. M gọi điện báo cho L đi đón người, L điều khiển xe máy 23P1-112.42 đến đón M rồi cùng nhau đi xuống thôn T, xã T. Lúc này L bảo M đi đón 09 người từ C, còn L đi đón T bị đau chân. Lúc này Thò Mí M gọi điện thoại cho Vừ Mí S (*chưa xác định rõ nhân thân lai lịch*) rủ đi đón người cùng, M hứa sẽ trả công cho S là 80NDT (*tám mươi nhân dân tệ*)/1 người và S đồng ý. M cùng S đi đến thôn T, xã T thì gặp C và 09 người đi Trung Quốc, M hỏi C ai trông T bị đau chân thì C bảo có S (*chưa xác định rõ nhân thân lai lịch*) trú tại thôn T, xã T đang trông. M đưa cho C 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) tiền công, rồi cùng S dẫn 09 người đi, còn C đi đâu không rõ. Đi được một lúc, 09 người này kêu mệt, không đi nổi và muốn thuê xe đèo đi nên M gọi điện báo cho L biết. L gọi điện thoại cho Tuấn A và bảo nếu muốn đi xe thì phải thêm mỗi người 100NDT (*Một trăm nhân dân tệ*), Tuấn A đồng ý. L gọi cho M hỏi có quen ai có xe không thì thuê họ chở, M gọi cho một người đàn ông bên Trung

Quốc tên là S (*M quen do trước đây đi buôn bò với nhau*), bảo S đón ở đường biên giới giáp danh với thôn T, xã T, tiền công là 100NDT/1 người, S đồng ý, L bảo M cứ ứng tiền ra trước để trả cho S, sau này L sẽ trả lại M sau.

M cùng S dẫn 09 người đi bộ, đến mốc biên giới thuộc địa phận thôn T, rồi đưa qua mốc sang bên Trung Quốc thì thấy S điều khiển xe ba gác đi tới (*không nhớ biển số*). M, S cùng 09 người lên xe Su chở đi dọc theo đường biên giới Trung Quốc, đi đến khu vực sát thôn M, xã T thì S dừng lại. M cùng S và 09 người xuống xe, M đưa cho S 900NDT (*Chín trăm nhân dân tệ*) tiền công. M cùng S dẫn 09 người lên một khu đồi thuộc địa phận thôn M, xã T, huyện M. M bảo S đi về trước còn tiền công sẽ đưa sau, rồi M gọi điện báo cho L biết, L bảo M đi về, còn 09 người cứ để ở đấy L khác lo. L dẫn T đi trốn ở chỗ khác cũng thuộc thôn M, xã T rồi đi về nhà.

Đến tối, L gọi cho M đi đón T, M đi lên chỗ T rồi dẫn đến chỗ nhóm 9 người đang trốn trên núi rồi M đi về. L đi đón L và L đưa lên chỗ 10 người đang trốn trên núi và cho 12 người trốn ở đó.

Đến khoảng 02 giờ ngày 22/11/2020, Tuấn A gọi điện cho L bảo đưa 12 người vượt biên sang Trung Quốc. L đi bộ từ nhà lên đến chỗ 12 người đang trốn trên núi, rồi dẫn 12 người vượt biên sang Trung Quốc. Khi sang bên Trung Quốc thì nhìn thấy có 02 xe ô tô đang chờ để đón người. L giao 12 người trên cho 02 lái xe người Trung Quốc (*chưa xác định rõ nhân thân lai lịch*). Giao người xong L gọi điện cho Tuấn A đòi 2.400NDT (*Hai nghìn bốn trăm nhân dân tệ*) tiền công đưa người sang Trung Quốc, nhưng Tuấn A bảo cứ để cho 12 người này đến nơi, rồi lái xe lấy tiền quay lại trả cho, L đồng ý rồi quay lại Việt Nam đi về nhà.

Nhóm 12 người trên được 02 xe ô tô (*mỗi xe 06 người*) chở đi vào sâu trong nội địa Trung Quốc. Đi được nửa ngày đường, thì bị lực lượng chức năng của Trung Quốc bắt giữ và trả về Việt Nam.

Cáo trạng số 19 ngày 06/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Sùng Mí L và Đào Hải T về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Thò Mí M về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Sùng Mí L, Đào Hải T, Thò Mí M đều khai và thừa nhận toàn bộ hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài theo nội dung cáo trạng đã truy tố, cụ thể: Sùng Mí L, Đào Hải T đã tổ chức cho 12 người trốn sang Trung Quốc; Thò Mí M tổ chức cho 10 người trốn sang Trung Quốc. Bị cáo Đào Hải T thu lợi được 3.600.000 đồng; các bị cáo Sùng Mí L, Thò Mí M chưa nhận được tiền công từ nhà xe Tuấn A trả.

Các bị cáo xác nhận, trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo không bị bắt kỳ ai đánh đập, hoặc dùng nhục hình; toàn bộ lời khai đều do các bị cáo tự nguyện

khai báo như diễn biến hành vi các bị cáo đã thực hiện; nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo.

Bị cáo Đào Hải T trình bày, chiếc xe ô tô Innova 07 chỗ bị cáo sử dụng chở 08 người lên M là do bị cáo mua năm 2020 chưa sang tên đổi chủ, thực tế bị cáo không nhớ Biển kiểm soát, chỉ nhớ có số 097, còn đuôi là 73 hay 37 bị cáo không rõ; bị cáo đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh N tại hiệu sửa chữa xe Anh L với giá 170.000.000 đồng từ năm 2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ tài liệu luận tội các bị cáo, phân tích về tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm, vai trò thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Sùng Mí L, Đào Hải T, Thò Mí M; đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng Mí L, Đào Hải T, Thò Mí M phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sùng Mí L từ 07 năm đến 08 năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/12/2022;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Hải T từ 06 năm đến 07 năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/6/2023;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 56 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thò Mí M từ 05 năm đến 06 năm tù; tổng hợp hình phạt tại Bản án số 07/2023/HS-ST, ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Thò Mí M 12 tháng tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, xảy ra năm 2022; bị cáo Thò Mí M phải chịu hình phạt chung của 02 bản án là từ 06 năm đến 07 năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/11/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Sùng Mí L, Đào Hải T, Thò Mí M.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự; tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô biển kiểm soát 23P1-112.42, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE; 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, xe máy mang tên Sùng Mí L thu giữ của bị cáo Lía; số tiền 3.600.000 đồng. Tịch thu tiêu huỷ: 02 chiếc điện thoại di động, thu giữ của bị cáo L, T.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Đào Hải T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí L, Thò Mí M.

Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí L, Thò Mí M trình bày: Nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Nhất trí với bản luận tội và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng điều luật, xử lý vật chứng, án phí đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo bằng mức khởi điểm đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo Sùng Mí L 07 năm tù; bị cáo Thò Mí M 05 năm tù.

Phản tranh luận: Các bị cáo nhất trí với nội dung luận tội và quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát; bị cáo L, M nhất trí với nội dung bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không bổ sung thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với cộng đồng và đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Viện kiểm sát, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc đề nghị khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, các bị cáo; xét thấy những người này đã có lời khai trong giai đoạn điều tra, việc những người này vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án; căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi tổ chức cho 12 công dân Việt Nam trốn sang Trung Quốc để đi làm thuê. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với Biên bản sự việc, lời khai người làm chứng và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. **Có đủ cơ sở kết luận:** Khoảng ngày 16/11/2020, có 12 công dân Việt Nam muốn đi Trung Quốc làm thuê nên đã thông qua người thân và lên mạng xã hội thì thấy nich “Nhà xe Tuấn A” chuyên đưa người đi Trung Quốc làm thuê. Nên những người trên đã liên hệ qua Wechat với nickname “Nhà xe Tuấn A” để hỏi đi Trung Quốc, thì được Tuấn A nhận lời đưa đi sang Trung Quốc qua đường Hà Giang với chi phí từ 3000NDT đến 3300NDT/1

người. Sau đó Tuấn A gọi điện cho Đào Hải T thuê T đón người từ bến xe thành phố H rồi đưa đi lên huyện M với tiền công là 1.500.000 đồng xe ô tô 04 chỗ ngồi và 1.800.000 đồng xe ô tô 07 chỗ. Sau khi thống nhất với T xong, Tuấn A gọi điện cho Sùng Mí L thuê L đón người từ huyện M rồi đưa đi vượt biên sang Trung Quốc với tiền công là 200 NDT/1 người, L đồng ý. Sau đó Sùng Mí L gọi điện thoại thuê Thò Mí M đi đón người cùng đưa lên núi trốn chờ cơ hội đưa người đi sang Trung Quốc để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng, L hứa trả cho M 100 NDT/1 người, M đồng ý và các bị cáo đã đưa người đi sang Trung Quốc làm thuê như sau: Đào Hải T đã nhận chở 12 người đi Trung Quốc làm thuê từ thành phố H lên đến M, được hưởng lợi số tiền là 3.600.000 đồng; Sùng Mí L đã nhận 12 người đi Trung Quốc làm thuê từ M đi đò qua sông Nho Quế trốn trên núi và trực tiếp dẫn 12 người qua Biên giới Việt Nam sang Trung Quốc giao cho 02 người Trung Quốc, L chưa được hưởng lợi tiền công vì 12 người đi Trung Quốc làm thuê bị cơ quan chức năng Trung Quốc bắt và trả về Việt Nam nên nhà xe Tuấn A chưa trả tiền công cho L. Thò Mí M cùng với L đón 10 người đi Trung Quốc làm thuê từ M đi đò qua sông Nho Quế, trốn trên núi để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng Việt Nam, M chưa nhận được tiền công đưa người, vì L chưa trả cho M.

[4] Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật, biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan, tổ chức được Nhà nước cấp phép thực hiện mới hợp pháp; song với động cơ, mục đích vụ lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài với tổng số 12 người gồm (Lê Thị Mộng L, Nguyễn Chúc L, Lã Thị T, Đồng Thị H, Lường Văn C, Lường Văn T, Lò Văn D, Lò Văn H, Lò Văn T, Đinh Thị V, Hoàng Văn D, Hoàng Văn N), trong đó: Các bị cáo L, T thực hiện tổ chức 01 lần đưa 12 người trốn sang Trung Quốc; bị cáo M tổ chức 01 lần đưa 10 người trốn sang Trung Quốc. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực xuất cảnh, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới Việt - Trung. **Có đủ căn cứ khẳng định:** Các bị cáo Sùng Mí L, Đào Hải T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự, với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Đối với 11 người trở lên*” có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm; bị cáo Thò Mí M phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự, với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Đối với từ 05 người đến 10 người*” có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

[5] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Tuy các bị cáo không phải là người chủ mưu, khởi sự việc tổ chức cho 12 người trốn sang Trung Quốc, nhưng khi được chủ xe với nickname “Nhà xe Tuấn A” liên hệ đón người từ thành phố H để chở người lên M trốn sang Trung Quốc thì bị cáo T đã nhất trí; bị cáo đã

trực tiếp đón người từ bến xe thành phố H về nhà bị cáo và thuê xe cùng chở 12 người đến M, nhận tiền hộ từ 09 người rồi chuyển cho “Nhà xe Tuấn A”, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo L sau khi được “Nhà xe Tuấn A” trực tiếp liên hệ thoả thuận giá cả về tổ chức đưa người từ M vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc làm thuê thì bị cáo đã nhất trí; là người trực tiếp đón 12 người từ M và liên hệ với bị cáo M để cùng đón, chi phí tiền đò, thuê xe ôm đưa 12 người trốn trên núi để chờ trời tối đưa đi vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc được thuận lợi và là người trực tiếp đưa 12 người vượt biên giới trốn sang Trung Quốc là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất; do đó bị cáo L được xác định có vai trò cao hơn bị cáo T. Bị cáo M khi được bị cáo L liên hệ qua điện thoại về việc cùng với bị cáo L để đưa 10 người trốn sang Trung Quốc làm thuê thì M đã nhất trí, là người trực tiếp chi phí tiền đò qua sông, thuê xe ôm, xe ba gác để chở 10 người, cùng L dẫn đưa 10 người trốn trên núi để chờ cơ hội thuận lợi trốn sang Trung Quốc, được xác định giữ vai trò giúp sức cho L, nên chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt thấp hơn bị cáo L và T.

[6] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ, cụ thể cho từng người. Do đó các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo đã gây ra; song về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó; đồng thời HĐXX áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự về đồng phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T, L, M đã tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo T, L đều phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; bị cáo T đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có và có thân nhân là người có công với Cách mạng, ông nội bị cáo là Đào Đình D được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất và là thương binh hạng 4/4, cậu ruột là Ngô Trường K được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo L, M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các bị cáo L, T, M đều có trình độ văn hoá thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo Thò Mí M thuộc hộ nghèo; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về nhân thân : Bị cáo Thò Mí M, bị Toà án nhân tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, xảy ra năm 2022 tại Bản án số 07/2023/HS-ST, ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

[10] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn và căn cứ quyết định hình phạt; xử phạt các bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này tại địa phương. Các bị cáo L, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; xét thấy, bị cáo Tuyên thực hiện hành vi phạm tội đưa đón 12 công dân từ thành phố H đưa đến M, bị cáo không trực tiếp đưa 12 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo dưới khung hình phạt liền kề; bị cáo M với vai trò giúp sức cho bị cáo L, nên cần xét xử bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật mà tu dưỡng rèn luyện bản thân trong thời gian chấp hành án.

[11] Đối với bị cáo Thò Mí M, đang phải chấp hành Bản án số 07/2023/HS-ST, ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, đang thi hành án tại trại giam Quyết Tiến; cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo và khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, thời gian chấp hành án cho bị cáo.

[12] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Sùng Mí L, Thò Mí M đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Đào Hải T nghề nghiệp lái xe tắc xi, công việc không ổn định; nên HĐXX không áp dụng hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[13] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 23P1-112.42, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, xe cũ đã qua sử dụng của bị cáo L, bị cáo sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội; số tiền 3.600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có; HĐXX căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. 02 chiếc điện thoại di động; các bị cáo sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu huỷ;

[14] Về chiếc xe ô tô bị cáo T sử dụng để chở 08 người đến Mèo Vạc, khi mua xe, bị cáo T chưa sang tên quyền sở hữu, sau khi sử dụng được khoảng 06 tháng, bị cáo đã bán cho anh Phạm Văn N, sinh năm 1993, trú tại: Tổ 18, phường N thành phố H vào năm 2021 với giá 170.000.000 đồng, hiện nay anh N đã bán xe cho người khác không nhớ tên và địa chỉ; bị cáo không nhớ rõ biển kiểm soát của xe ô tô, nên không có căn cứ để truy xét; do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[15] Về án phí: Các bị cáo Sùng Mí L, Thò Mí M là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí; HĐXX căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội; buộc bị cáo Đào Hải T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí L, Thò Mí M.

[16] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Sùng Mí L, Đào Hải T về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự; bị cáo Thò Mí M về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phát biểu luận tội và đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, xử lý vật chứng, án phí của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[17] Phát biểu của của Trợ giúp viên pháp lý người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí L, Thò Mí M nhất trí với cáo trạng truy tố các bị cáo, nội dung luận tội và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[18] Trong vụ án này còn có một số người liên quan gồm:

1. Đối với chủ tài khoản có nickname “nhà xe Tuấn A”: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu thập được thông tin để xác định rõ chủ tài khoản nickname “nhà xe Tuấn A”. Do đó cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, nếu có căn cứ thì xử lý trong vụ án khác là đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với Vừ Mí C: Quá trình điều tra, Thò Mí Mỹ có khai nhận thuê một người tên là Vừ Mí C, sinh sống gần bờ sông Nho Quế, khoảng 40 tuổi, người lùn, béo, tóc màu đen, cắt ngắn, mặt rỗ. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an xã T, huyện M tiến hành rà soát trên địa bàn, kết quả rà soát có một công dân có nhiều đặc điểm trùng khớp với mô tả của M là Vừ Mí C, sinh ngày 20/4/1981, trú tại: Thôn K, xã T, huyện M. Tuy nhiên, hiện nay Vừ Mí C không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý trong vụ án khác là đúng quy định của pháp luật.

3. Đối với người tên S: Theo lời khai của Thò Mí M, S sinh sống tại thôn T (*tên địa danh tiếng dân tộc Mông là Chua Tay*), xã T, huyện M, khoảng 30 tuổi, mắt lé, lùn, bé, tóc màu đen, cắt ngắn. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an xã T, huyện M tiến hành rà soát trên địa bàn, kết quả không thu thập được thông tin gì liên quan đến đối tượng có tên S như lời khai của Thò Mí M. Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý trong vụ án khác là đúng quy định của pháp luật.

4. Đối với Vừ Mí S: Quá trình điều tra Thò Mí M khai nhận, Vừ Mí S, sinh sống tại thôn T (*địa danh tiếng mông là Tông Lìa*), xã T, huyện M khoảng 30 tuổi, người lùn, béo, tóc màu đen, cắt ngắn. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an xã T, huyện M tiến hành rà soát trên địa bàn, kết quả xác định có một công dân có nhiều

đặc điểm trùng khớp với mô tả của M là Vừ Mí S, sinh ngày 10/9/1998, trú tại thôn T, xã T, huyện M. Tuy nhiên, hiện nay Vừ Mí S không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý trong vụ án khác là đúng pháp luật.

5. Đối với người đàn ông tên S và 02 lái xe người Trung Quốc: Căn cứ vào lời khai của bị can Thò Mí M, Cơ quan điều tra nhận thấy: đây là các đối tượng có quốc tịch nước ngoài, địa chỉ không rõ ràng. Cơ quan điều tra không đủ điều kiện và dữ liệu thông tin để xác minh các đối tượng trên nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này.

6. Đối với Vương Thị H: Quá trình điều tra xác định Vương Thị H được Sùng Mí L (là người yêu của H) nhờ đón L, L về phòng tập thể của H tại điểm trường xã X. Lúc nhờ H đi đón L và L L không nói cho H biết L và L đi đâu, làm gì, H cũng không hỏi nên không biết L và L đi đâu, làm gì cả và L cũng không hứa hẹn gì. Do có quan hệ tình cảm với L nên khi được L nhờ đón người thì H làm theo. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Vương Thị H là có căn cứ.

7. Đối với Ngô Duy S: Quá trình điều tra xác định được S là lái xe thuê cho hãng taxi Hà Giang, được Đào Hải T thuê chở 04 khách từ tổ 14 phường N, thành phố H lên huyện M với mức giá 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng). Toàn bộ quá trình thỏa thuận, di chuyển T không nói cho S biết 04 khách thuê S chở đang có hành vi trốn đi nước ngoài trái phép, bản thân S không biết mục đích trốn đi nước ngoài của 04 người này. Do đó, Cơ quan an ninh điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Ngô Duy S là có căn cứ.

8. Đối với Thò Mí S: Quá trình điều tra xác định Sùng Mí L gọi điện thuê Thò Mí S đến phòng ở của H ở điểm trường mầm non xã X, huyện M đón L bằng xe mô tô của S, đưa đến khu vực biên giới thuộc địa phận xã T, huyện M giao cho L và được nhận 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền công. S không được L cho biết L đi đâu và làm gì, S chỉ nhận chở L đến đúng vị trí L dặn sau đó đi về, ngoài ra không có bất kỳ trao đổi hay giao dịch khác. Do đó Cơ quan an ninh điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Thò Mí S là có căn cứ.

9. Đối với bà Vũ Thị L: Quá trình điều tra xác định được việc L đi mua com cho 12 người này là do bị cáo T bảo, nhưng bị cáo T không nói cho L biết là những người này đi Trung Quốc trái phép mà chỉ nói là khách đi vùng cao chơi, bà L cũng không hỏi mà nghĩ là chồng mình làm nghề lái xe nên đón khách và chở khách đi vùng cao là bình thường. Do đó Cơ quan an ninh điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Vũ Thị L là có căn cứ.

[19] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng Mí L, Đào Hải T, Thò Mí M phạm tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sùng Mí L **07 (Bảy)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/12/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Hải T **06 (Sáu)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/6/2023;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thò Mí M 05 (Năm) năm tù; tổng hợp hình phạt tại Bản án số 07/2023/HS-ST, ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Thò Mí Mỹ 12 (Mười hai) tháng tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép; buộc bị cáo Thò Mí M phải chịu hình phạt chung của 02 bản án là **06 (Sáu)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/11/2022;

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự;

* Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu xanh, bạc, đen, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23P1-112.42, có số khung RLHJC7637LY011931, số máy JC76E1120730, xe cũ, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Sùng Mí L);

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, xe máy số 008069, BKS 23P1-112.42, mang tên Sùng Mí L.

- Số tiền 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo Đào Hải Tuyên (Do vợ của bị cáo Đào Hải T nộp).

* Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu HUAWAI, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (thu giữ của bị cáo Sùng Mí L);

- 01 (Một) điện thoại di động màu vàng, nhãn hiệu Mastel, phần vỏ bị vỡ, hiện điện thoại không sử dụng được, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật

được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (thu giữ của bị cáo Đào Hải T);

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/9/2023 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 14, Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Bị cáo Đào Hải T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí L, Thò Mí M.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 01, PA09, PV 06, PC10 Công an tỉnh;
- Trại giam Quyết Tiên - Bộ Công an;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan

